

Kỳ hạn	Lãi suất LNH				Trái phiếu		
	VND	D/D	USD	D/D	Kỳ hạn	Lợi suất	D/D
ON	1.43	0.01	0.48	0.01	3Y	2.03	-0.017
1W	2.00	0.06	0.60	0.01	5Y	2.12	-0.017
2W	2.07	-0.05	0.66	0.00	7Y	2.50	-0.007
1M	2.15	-0.07	0.72	0.02	10Y	3.01	0.005
2M	2.32	0.00	0.79	0.01	15Y	3.17	0.012
3M	2.37	-0.01	0.87	0.02			
6M	2.62	-0.04	1.06	0.03			
9M	2.74	0.09	1.27	-0.01			
1Y	2.93	0.09	1.40	0.00			

Nguồn: Reuters

Giao dịch mua kỳ hạn trên OMO (tỷ đ)

Ngày	Phiên	Kỳ hạn (ngày)	Lãi suất (%)	KL gọi thầu	KL trúng	KL đến hạn	Bom/hút ròng	KL lưu hành
27-04-22	1	14	2.50	10,000	284.03	-	284.03	3,236.54
26-04-22	1	14	2.50	10,000	284.01	333.64	- 49.63	2,952.51
25-04-22	1	14	2.50	10,000	284.00	-	284.00	3,002.14

Thị trường TPCP sơ cấp

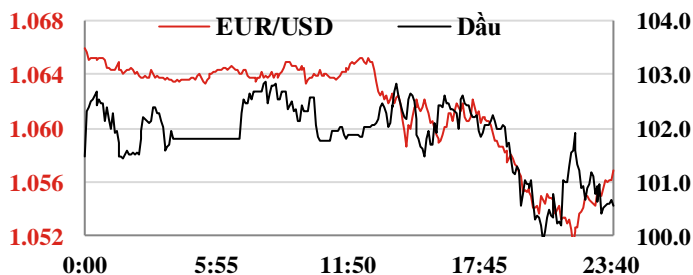
đơn vị: tỷ đồng

TCPH	Ngày ĐT	Kỳ hạn	KL gọi thầu	KL trúng thầu	LS trúng thầu	Thay đổi
MOF	27-Apr-22	5	500	0	0.00%	0.00%
MOF	27-Apr-22	10	2000	0	0.00%	0.00%
MOF	27-Apr-22	15	2000	0	0.00%	0.00%
MOF	27-Apr-22	30	500	0	0.00%	0.00%
Tổng			5000	0		

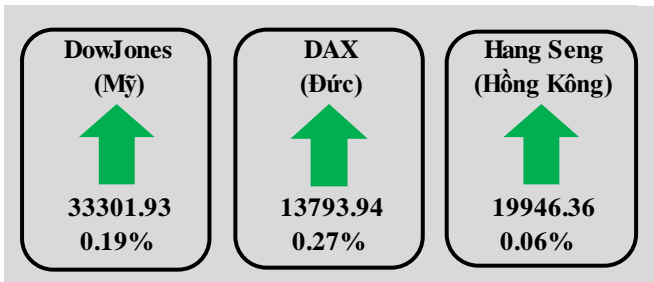
	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1353.77	357.09	101.37
%/ngày	0.93%	3.45%	0.22%
%/31/12/2021	-9.65%	-24.7%	-10.0%
KLGD (tr.đ.vị)	519.56	66.43	34.8
GTGD (tỷ đ)	14544.34	1408.91	611.05
NDINN mua (tỷ đ)	1617.47	4.99	0.30
NDINN bán (tỷ đ)	1878.65	1.78	0.86

Tin trong nước ngày 27/04

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 27/04, NHNN giữ nguyên niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 23.135 VND/USD, tỷ giá mua giao ngay ở mức 22.550 VND/USD và tỷ giá bán kỳ hạn 3 tháng ở mức 23.050 VND/USD. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 22.960 VND/USD, giảm 14 đồng so với phiên 26/04. Tỷ giá trên thị trường tự do giữ nguyên ở chiều mua vào trong khi tăng 10 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 23.420 VND/USD và 23.520 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 27/04, lãi suất chào bình quân LNH VND tăng 0,01 và 0,06 đpt lần lượt ở các kỳ hạn ON và 1W trong khi giảm 0,05 – 0,07 đpt ở các kỳ hạn 2W và 1M so với phiên trước đó, cụ thể: ON 1,43%; 1W 2,0%; 2W 2,07% và 1M 2,15%. Lãi suất chào bình quân LNH USD tăng 0,01 – 0,02 đpt ở hầu hết các kỳ hạn từ 1M trở xuống ngoại trừ đi ngang ở kỳ hạn 2W; giao dịch tại: ON 0,48%; 1W 0,60%; 2W 0,66%, 1M 0,72%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp giảm ở các kỳ hạn ngắn trong khi tăng ở các kỳ hạn 10Y và 15Y, cụ thể: 3Y 2,03%; 5Y 2,12%; 7Y 2,50%; 10Y 3,01%; 15Y 3,17%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Phiên hôm qua, NHNN chào thầu 10.000 tỷ đồng trên kênh cầm cố với kỳ hạn 14 ngày, lãi suất 2,50%. Có 284,03 tỷ đồng trúng thầu, trong khi không có khối lượng đáo hạn. Như vậy, NHNN bơm ròng 284,03 tỷ đồng ra thị trường, đưa khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố tăng lên 3.236,54 tỷ đồng.
- Thị trường trái phiếu:** Ngày 27/04, KBNN gọi thầu 5.000 tỷ đồng TPCP ở các kỳ hạn từ 5 năm tới 30 năm, tuy nhiên phiên đấu thầu thất bại. Vùng lãi suất đặt thầu thấp nhất đồng loạt tăng từ 2 – 4 điểm so với phiên trước đó. Kể từ đầu năm đến 27/04/2022, KBNN mới huy động thành công 45 nghìn tỷ đồng TPCP, hoàn thành 11% kế hoạch cả năm và chỉ 4% kế hoạch quý II/2022.
- Thị trường chứng khoán:** Hôm qua, dòng tiền vẫn thận trọng, nhưng nhu cầu bán cũng rất thấp, cho thấy khả năng thị trường phục hồi. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tăng 12,43 điểm (+0,93%) đạt 1.353,77 điểm; HNX-Index tăng 11,92 điểm (+3,45%) lên 357,09 điểm; UPCOM-Index cũng tăng 0,22 điểm (+0,22%) lên 101,37 điểm. Tuy nhiên, thanh khoản thị trường ở mức rất thấp với tổng giá trị giao dịch đạt trên 16.500 tỷ VND, đồng thời khối ngoại sau loạt phiên mua ròng đã quay trở lại bán ròng gần 259 tỷ đồng trên cả 3 sàn.
- Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trong 4 tháng đầu năm 2022, tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài cấp mới và điều chỉnh đạt trên 327,72 triệu USD, bằng 60% so với cùng kỳ.** Trong đó, có 34 dự án được cấp giấy chứng nhận đăng ký ĐT mới với tổng vốn đăng ký đạt trên 285,8 triệu USD, bằng 2 lần cùng kỳ. Bên cạnh đó, có 9 dự án điều chỉnh vốn với tổng vốn ĐT tăng thêm trên 41,9 triệu USD, bằng 10,4% so với cùng kỳ. Lũy kế đến ngày 20/4/2022, Việt Nam có 1.549 dự án đầu tư ra nước ngoài còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư Việt Nam gần 21,55 tỷ USD.



	27 Apr 22	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	102.95	0.64%	2.55%	7.28%
USD/CNY	6.56	0.07%	2.19%	3.27%
USD/EUR	0.95	0.77%	2.79%	7.70%
USD/JPY	128.42	0.94%	0.42%	11.59%
USD/KRW	1266.27	0.44%	2.64%	6.59%
USD/SGD	1.38	0.17%	1.28%	2.37%
USD/TWD	29.43	0.17%	0.71%	6.19%
USD/THB	34.34	0.15%	1.72%	3.34%
USD/VND Trung tâm	23135	0.00%	0.08%	-0.04%
USD/VND LNH	22960	-0.06%	-0.02%	0.72%
USD/VND tự do	23420	0.00%	0.52%	-0.13%
Vàng	1886.12	-1.02%	-3.64%	3.16%
Dầu	102.02	0.31%	-0.71%	35.65%



Kỳ hạn	LIBOR		SIBOR	
	USD	TĐ	USD	TĐ
ON	0.3249	-0.0053		
1M	0.7637	0.0150	0.6721	0.0000
3M	1.2389	0.0007	1.0561	0.0000
6M	1.8263	-0.0014	0.8211	0.0000
1Y	2.5441	-0.0021		

Số liệu ngày SIBOR 26/04/2022

Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	0,25%	0,50%	16/03/2022	03/05/2022
Châu Âu	EUR	0,05%	0,00%	10/02/2016	09/06/2022
Anh	GBP	0,50%	0,75%	17/03/2022	05/05/2022
Nhật	JPY	0,10%	-0,10%	28/01/2016	27/04/2022
Australia	AUD	0,25%	0,10%	03/11/2020	03/05/2022

Nguồn: TCTK, NHNN, Hose, HNX, Thomson-Reuters, MSBResearch

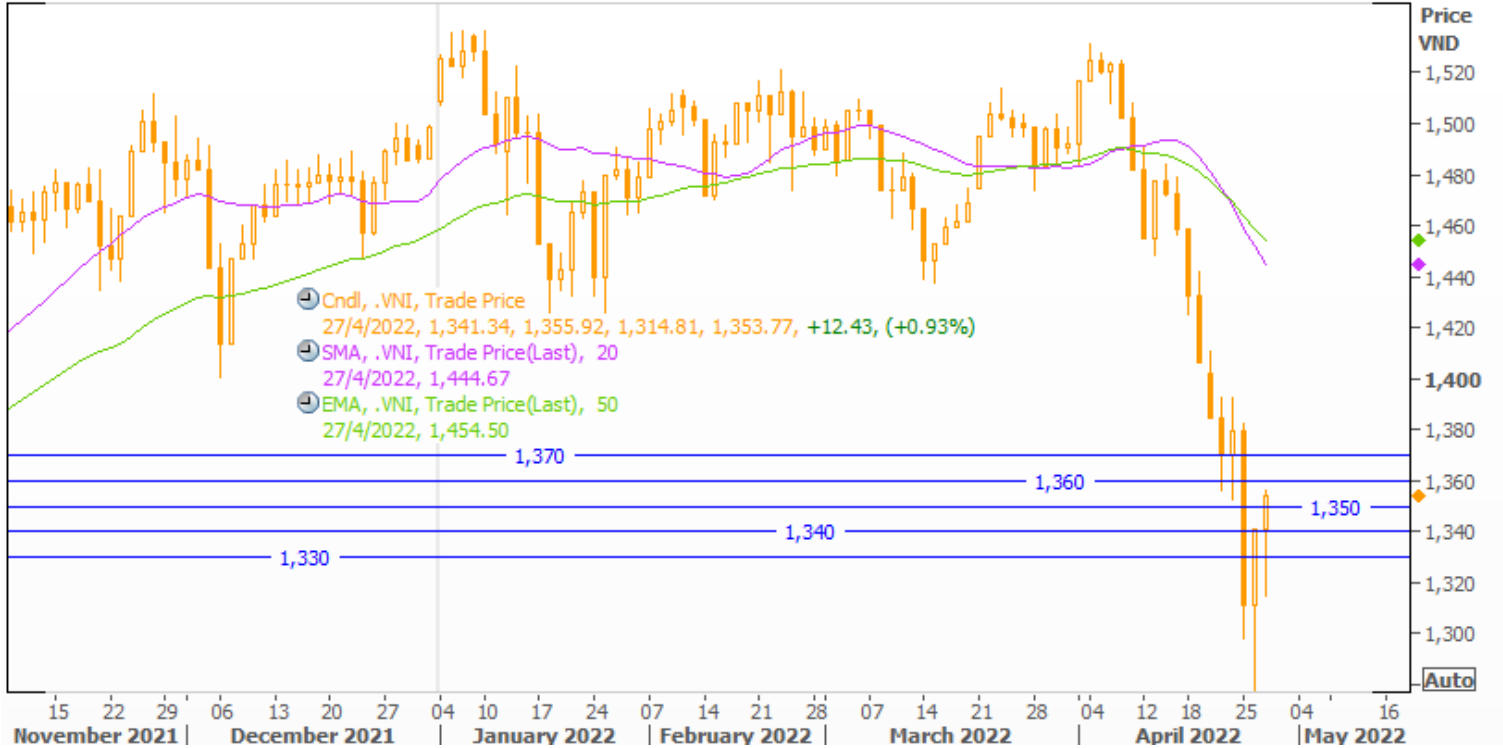
Tin quốc tế

- Doanh số nhà chờ bán tại Mỹ tiếp tục giảm.** Hiệp hội Môi giới Bất động sản Mỹ NAR cho biết doanh số nhà chờ bán tại nước này giảm 1,2% m/m trong tháng 3 sau khi giảm mạnh 4,1% ở tháng trước đó, sâu hơn so với mức giảm 1,0% theo dự báo. Đây là tháng giảm doanh số thứ 4 liên tiếp đối với chỉ báo này. Nhà kinh tế trưởng của NAR Lawrence Yun cho biết số lượng hợp đồng mua nhà giảm đi đang phản ánh kỳ vọng lãi suất ưu đãi sẽ sớm biến mất và thị trường sẽ bình thường trở lại sau một thời kỳ tăng trưởng liên tục về cả nhu cầu và giá. Ông dự đoán doanh số bán nhà trong năm 2022 sẽ giảm khoảng 9% so với 2021.
- Niềm tin kinh tế tại Đức rơi xuống mức thấp kỷ lục.** Hãng Grow from Knowledgee GfK khảo sát cho biết chỉ số niềm tin kinh tế tại nước Đức chỉ ở mức -26,5 điểm trong tháng 4, giảm từ mức -15,7 điểm của tháng trước đó và xuống sâu hơn nhiều so với dự báo ở mức -16,1 điểm. Đây là mức điểm cho thấy sự bi quan nghiêm trọng nhất trong lịch sử của thị trường Đức khi bất ổn tại Ukraine và tỷ lệ lạm phát cao đã giáng mạnh vào tâm lý của người tiêu dùng. Chuyên gia phân tích tiêu dùng của GfK Rolf Bürkl cho rằng mọi nỗ lực mà Chính phủ Đức cũng như NHTW Châu Âu về sự phục hồi bằng các chính sách nới lỏng tài khóa cùng tiền tệ đã tiêu tan nhanh chóng. Giờ đây, Đức nói riêng và Eurozone nói chung phải hy vọng về một cuộc đàm phán hòa bình ở Ukraine để vực dậy tâm lý thị trường.
- CPI tại Úc tăng khá nhanh quý đầu năm.** Văn phòng Thống kê Úc cho biết CPI tại quốc gia này tăng 2,1% q/q trong quý 1, nối tiếp mức tăng 1,3% của quý trước đó và vượt so với mức tăng 1,7% theo dự báo của các chuyên gia. Đây là mức tăng CPI q/q lớn nhất của Úc kể từ sau quý 3/2000. Đóng góp lớn nhất vào đà tăng CPI quý 1 là các nhóm mặt hàng nhà ở với mức tăng 5,7% q/q và xăng dầu ô tô với mức tăng 11,0%. So với cùng kỳ năm 2021, CPI quý 1 của Úc tăng 5,1%, không quá mạnh so với các nền kinh tế lớn khác như Mỹ, Anh và Eurozone. Mặc dù vậy, mức CPI 5,1% y/y này tạm thời vượt lên trên ngưỡng lạm phát mục tiêu 2% - 3% trong trung hạn của NHTW Úc RBA.
- Lịch công bố các chỉ số kinh tế:**

Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
27-04	8:30	***	CPI Úc qq Q1	2.1	1.7	1.3
27-04	13:00	*	Niềm tin tiêu dùng GfK Đức T4	-26.5	-16.1	-15.7
27-04	21:00	*	Doanh số nhà chờ bán Mỹ mm T3	-1.2	-1.0	-4.1
28-04	Tentative	***	Báo cáo triển vọng kinh tế của NHTW Nhật Bản BOJ			
28-04	Tentative	***	LSCS NHTW Nhật Bản BOJ		-0.1	-0.1
28-04	All day	*	CPI sơ bộ Đức mm T4		0.5	2.5
28-04	19:30	***	GDP chi tiết Mỹ qq Q1		7.2	7.1
28-04	19:30	**	Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu tại Mỹ w		178K	184K

Daily .VNI

9/11/2021 - 18/5/2022 (HAN)



VN-Index tăng lên mức 1353,77 điểm. Khả năng cao đây vẫn là phiên hồi kỹ thuật, còn xu hướng giảm vẫn đang chiếm ưu thế.

Nguỡng hỗ trợ: 1.340 – 1.330

Nguỡng kháng cự: 1.360 – 1.370

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội

ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm

Email: ninhnh1@msb.com.vn

Hoàng Thị Thu Trang - CVCC Phân tích

Email: trangtt5@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CV Phân tích

Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: Research@msb.com.vn